TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12-3-2023
V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Đỗ Văn Mạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tô Thị L, sinh năm 1987; nơi ĐKHKTT: Thôn 2, xã T, huyện T, thành phố H; nơi tạm trú: Xóm P, xã N, huyện N, tỉnh N; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Dịnh, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện T, thành phố H; vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tô Thị L (nguyên đơn) khai:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị L và anh Lê Văn Đ xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định từ năm 2010. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình

ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 413/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020. Sau đó do các con còn nhỏ, hai gia đình động viên nên chị L, anh Đ đoàn tụ và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thiên Hương năm 2021. Tuy nhiên, mẫu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được, hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả nên từ tháng 7 năm 2023 chị L đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã N, huyện N, tỉnh N sinh sống cho đến nay. Nay chị L nhận thấy vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Chị Tô Thị L khai chị và anh Lê Văn Đ có hai con chung là Lê Minh C, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2011 và Lê Minh H, sinh ngày 02 tháng 03 năm 2016. Ly hôn, chị L cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Trường hợp anh Đ không đồng ý thì chị L nhận nuôi con chung Lê Minh H, anh Đ sẽ nuôi con chung Lê Minh C. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị L và anh Đ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Tô Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2024, bị đơn anh Lê Văn Đ khai:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Đ và chị Tô Thị L xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2010. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh và chị L đã làm thủ tục thuận tình ly hôn tại Toà án. Tuy nhiên, do các con còn nhỏ nên vào năm 2021, anh và chị L đoàn tụ và có đăng ký kết hôn lần 2 tại Uỷ ban nhân dân xã Thiên Hương. Nhưng mâu thuẫn giữa anh và chị L vẫn tồn tại, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị L đã về Nam Định sống từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh thì quan điểm của anh là đồng ý và đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Văn Đ xác nhận anh và chị Tô Thị L có hai con chung là Lê Minh C, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2011 và Lê Minh Hiếu, sinh ngày 02 tháng 03 năm 2016. Ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Minh C và đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Minh H.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ và chị L tự thỏa thuận và giao nhận với nhau nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Lê Văn Đ khai anh và chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Giao con chung Lê Minh C, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2011 cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lê Minh H, sinh ngày 02 tháng 03 năm 2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Về nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tô Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Bị đơn là anh Lê Văn Đ có nơi cư trú tại thôn 2, xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn là chị Tô Thị L và bị đơn là anh Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị L và anh Lê Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu điều tra xác minh thể hiện quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt dẫn đến vợ chồng đã ly hôn. Năm 2021, chị L và

anh Đ đăng ký kết hôn lại nhưng mâu thuẫn vẫn tồn tại, gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét: Mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ phát sinh kéo dài, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, do đó mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, cần chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Tô Thị L và anh Lê Văn Đ có hai con chung là Lê Minh C, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2011 và Lê Minh H, sinh ngày 02 tháng 03 năm 2016. Ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng nuôi con Lê Minh Hiếu, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Minh Cương. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Tài liệu điều tra xác minh thể hiện trong thời gian ly thân, chị L nuôi dưỡng con Lê Minh Hiếu, anh Đ nuôi dưỡng con Lê Minh C; cả chị L và anh Đ đều đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung. Bản thân cháu Cương cũng có nguyện vọng được ở với bố, cháu Hiếu có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, cần giao con chung Lê Minh C cho anh Lê Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lê Minh H cho chị Tô Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tô Thị L và anh Lê Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung: Chị Tô Thị L và anh Lê Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Chị Tô Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Tô Thị L và anh Lê Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tô Thị L và anh Lê Văn Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Minh C, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2011 cho anh Lê Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lê Minh H, sinh ngày 02 tháng 03 năm 2016 cho chị Tô Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Tô Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008964 ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Tô Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Tô Thị L và anh Lê Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Khoa **Đỗ Văn Mạnh** **Lương Ngọc Dũng**

***Nơi nhận**:*
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- UBND xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 26/5/2021);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Dũng

Bùi Đức Khoa **Đỗ Văn Mạnh**